

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **401/2023/DS-PT**

Ngày: 22/8/2023

*Tranh chấp QSDĐ, buộc tháo dỡ, di dời
tài sản trên đất, tranh chấp tiền đền bù
giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu
hồi đất, yêu cầu hủy GCNQSDĐ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán:

Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Lý Văn Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công Lý Văn K4 xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 59/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, tranh chấp tiền đền bù giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9215/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Lý Văn P (chết năm 2020);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lý Văn P:

- Bà Lộc Thị S, sinh năm 1935;

- Bà Lý Thị B, sinh năm 1966,

- Bà Lý Thị B1, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L;

- Bà Lý Thị N, sinh năm 1974; Cư trú tại: Số nhà 111, khu phố 2, thị trấn N1, huyện L1, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N là ông Lý Văn K, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số 89 khu C, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh L.

*** Bị đơn:** Ông Vi Văn T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn T: Ông S1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu B2, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Viết X, Luật sư Công ty Luật TNHH A thuộc Đoàn luật sư thành phố H1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh L.
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L1, tỉnh L.
- Bà Lường Thị T1; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L.
- Anh Vi Văn Q; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lường Thị T1, anh Vi Văn Q: Ông S1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu B2, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh L.

- Anh Vi Văn C1; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L.

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn T là ông S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lý Văn P; người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N và người đại diện theo ủy quyền của Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N là ông Lý Văn K trình bày:

Gia đình ông Lý Văn P có một thửa đất diện tích đất 561m², thuộc thửa 293, tờ bản đồ số 88, bản đồ địa chính xã Đ; địa danh: Đồi K1, thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L được Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp GCNQSDĐ số BR 953304 ngày 11/12/2013 đứng tên hộ ông Lý Văn P và Bà Lộc Thị S. Nguồn gốc đất là do cha ông để lại. Năm 2018 Nhà nước mở rộng đường giao thông đã thu hồi một phần diện tích 97,6m² để làm đường tỉnh lộ 248 X1 - A1 gia đình đã nhận một phần tiền đền bù là 23.093.900 đồng; phần tiền còn lại 20.212.000 đồng chưa được đền bù do xảy ra tranh chấp đất với gia đình ông Vi Văn T, nên Trung tâm Phát triển quỹ đất của huyện L1 giữ lại chưa chi trả. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021 xác định diện tích đất tranh chấp là

193,7m² thuộc một phần thửa đất 293 và 28,8m² thuộc một phần thửa 254, giáp ranh với thửa đất 273 của ông Vi Văn T đang quản lý, sử dụng. Do ông Vi Văn T đã hạ nền và xây dựng nhà cấp 4 trên một phần diện tích đất của thửa 293 và một phần 28,8m² thửa 254.

Do vậy, ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Lý Văn P: Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N và người đại diện theo ủy quyền ông Lý Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Vi Văn T phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 193,7m² thuộc một phần thửa đất 293 và 28,8m² thuộc một phần thửa 254 và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất để trả lại đất cho gia đình ông quản lý, sử dụng. Đối với số tiền đền bù 20.212.000 đồng khi Tòa án giải quyết cho gia đình ông được quản lý, sử dụng, sở hữu.

Ngoài phần diện tích đất tranh chấp sau khi được xem biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/01/2021 và mảnh trích đo địa chính thửa đất tranh chấp, trên mảnh trích đo thể hiện thửa 273.1 = 53,9m², được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vi Văn T nên ông Lý Văn K xin rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 53,9m² vì không liên quan đến đất tranh chấp.

Những người làm chứng phía nguyên đơn: Ông Lý Văn C2, ông Lý Xuân T2, ông Lý Văn P1, ông Lý Văn D, ông Lý Văn T3, bà Nông Thị L2 đều khai đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Lý Văn P khai phá quản lý, sử dụng.

Bị đơn ông Vi Văn T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp với ông Lý Văn P là do cha ông quản lý, sử dụng từ lâu để lại cho ông Vi Văn T quản lý, sử dụng từ năm 2017, quá trình canh tác, quản lý, sử dụng hàng năm gia đình vẫn trồng ngô, khoai sắn không có tranh chấp với ai. Tài sản trên đất tranh chấp có 01 ngôi nhà cấp 4, xây dựng năm 2018, có 03 cây vải thiều trồng năm 2001, 01 cây bưởi trồng từ khi ông còn bé, 01 cây dã hương trồng năm 1988, 02 gốc cây bạch đàn trồng năm 1989, 01 cây bồ quân, 03 cây chè. Đất tranh chấp gia đình chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, phần diện tích đất còn lại giáp ranh đất tranh chấp gia đình đã kê khai lần đầu năm 2002 được UBND huyện L1 cấp GCNQSDĐ ngày 22/4/2002, diện tích 143m² và được cấp đổi lại GCNQSDĐ số BR953295 ngày 11/12/2013 đứng tên hộ ông Vi Văn T và bà Lương Thị T1.

Lý do xảy ra tranh chấp là do năm 2018 khi Nhà nước mở rộng đường giao thông thu hồi đất kiểm đếm đền bù bồi thường giải phóng mặt bằng mở rộng đường Đ - A1 thì mới phát sinh tranh chấp giữa gia đình ông với gia đình ông Lý Văn P do ông Lý Văn P đã được cấp GCNQSDĐ tuy nhiên ông Vi Văn T cho rằng đất là của gia đình ông nên tiếp tục xây dựng nhà cấp 4 trên đất tranh chấp. Do vậy ông Lý Văn Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn P, ông Vi Văn T yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và quyền sở hữu các tài sản, cây trồng trên đất tranh chấp.

Ngày 07/7/2021 ông Vi Văn T nộp đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh L giải quyết cho gia đình ông được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp ghi trong GCNQSDĐ của ông Lý Văn P và quyền sở hữu các công trình nhà xây dựng, cây trồng trên đất tranh chấp và được hưởng toàn bộ số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi làm đường giao thông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Bà Lương Thị T1, anh Vi Văn Q, anh Vi Văn C1 đều có cùng quan điểm với ông Vi Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình ông Vi Văn T được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đối với diện tích đất tranh chấp ghi trong GCNQSDĐ của ông Lý Văn P và quyền sở hữu các công trình nhà xây dựng, cây trồng trên đất tranh chấp và được hưởng toàn bộ số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi làm đường giao thông.

Những người làm chứng phía bị đơn: Ông Chu Văn K2, ông Phạm Văn A2, ông Vi Văn T4, bà Lương Thị B3, bà Phạm Thị H2, bà Lộc Thị T5, ông Lành Văn T6, ông Lý Xuân K3, ông Lý Xuân H3, bà Chu Thị Q1, bà Vi Thị M, bà Lý Thị P2, ông Hoàng Văn S2, bà Chu Thị D1, bà Vi Thị T7, ông Vi Văn I, ông Cầm Văn Y, ông Vi Văn H4 đều khai đất tranh chấp chỉ thấy gia đình ông Vi Văn T canh tác và trồng cây trên đất.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021 thể hiện:

Đất tranh chấp thuộc một phần thửa 293, tờ bản đồ 88, bản đồ địa chính xã Đ, diện tích 193,7m² của ông Lý Văn P; một phần thuộc thửa 273, diện tích 53,9m² do gia đình ông Vi Văn T đang quản lý, sử dụng; một phần thuộc thửa 254, diện tích 28,8m² của ông Lý Văn P.

Tài sản trên đất tranh chấp: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2018, trị giá 179.698.331 đồng; 01 cây đã hương đường kính gốc 20-30cm, trị giá 155.000 đồng; 05 cây chuối tây trồng trên 01 năm tuổi, trị giá 135.000 đồng; 02 cây ổi tự mọc, trị giá 178.000 đồng; 05m² mía, trị giá 140.000 đồng; 01 cây mận đường kính gốc 02cm, cây tự mọc, trị giá 55.000 đồng; 03 cây vải thiều, đường kính gốc 10-15cm, trị giá 2.748.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 53,9m², thuộc một phần thửa 273, do gia đình ông Vi Văn T đang quản lý, sử dụng do không liên quan đến diện tích đất tranh chấp, phần diện tích đất còn lại đang tranh chấp 193,7m² thuộc thửa 293 và 28,8m² thuộc thửa 254 nguyên đơn yêu cầu được quản lý sử dụng, buộc phía bị đơn phải tháo dỡ, di dời công trình xây dựng và cây trồng trên đất trả lại cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Áp dụng Điều 5; 34, 38, 48; 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227, Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, 164,

165, 166, 208, 212, 213, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 167, 168, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lý Văn P được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 293, được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính là thửa 293.1 vị trí các đỉnh thửa C6, C7, C8, N1, A2, A3, A4, A5, A12, A13, N2, diện tích $S3 + S2 + S8 = 120,3m^2$.

2. Phần diện tích đất còn lại có các đỉnh thửa A7, A8, A9, C3, A10, A1, C12, C7, C6, M8, A11, diện tích $S1 + S4 + S5 + S6 + S7 = 102,3m^2$ (trong đó có $28,8m^2$ thuộc thửa 254.1 và $74,5m^2$, thuộc thửa 293.1), giao cho ông Vi Văn T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Ông Vi Văn T có nghĩa vụ phải thanh toán trả cho ông Lý Văn P, số tiền 5.052.600 đồng (năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm đồng), tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất được hưởng.

3. Về tài sản trên đất: Thể hiện trên mảnh trích đo địa chính thửa 293.1, gồm: 01 cây dã hương; 05 cây chuối tây trồng trên 01 năm tuổi; 02 cây ổi; $05m^2$ mía; 01 cây mận; 03 cây vải thiều, đường kính gốc 10-15cm. Giao cho ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, Bà Lý Thị N được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất và có nghĩa vụ phải trả cho ông Vi Văn T số tiền 3.411.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười một nghìn đồng), tương ứng với giá trị cây được sở hữu.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện: Đối với diện tích $53,9m^2$, thuộc một phần của thửa 273, tờ bản đồ số 88, bản đồ địa chính xã Đ do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vi Văn T.

6. Đối với số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất 20.212.000 đồng: Nguyên đơn ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N được quyền sở hữu 10.106.000 đồng (mười triệu một trăm linh sáu nghìn đồng); bị đơn ông Vi Văn T được quyền sở hữu 10.106.000 đồng (mười triệu một trăm linh sáu nghìn đồng). Hiện tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L1 hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện L1, tỉnh L.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N phải chịu số tiền 3.628.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng). Phần còn lại ông Vi Văn T phải chịu là 15.017.000 đồng; do gia đình ông

Lý Văn P đã tạm ứng trước để chi nên buộc ông Vi Văn T có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N số tiền 15.017.000 đồng (mười lăm triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật những người được thi hành án quy định tại các mục 2, 3, 5, 6 của quyết định này có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vi Văn T được miễn án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/9/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vi Văn T là ông S1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Vi Văn T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông S1 giữ nguyên kháng cáo vì cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh L đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vi Văn T là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Diện tích 193,7m² đất thuộc một phần thửa 293 và 28,8m² đất thuộc một phần thửa 254 tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L là tài sản hợp pháp của hộ ông Vi Văn T. Từ trước đến nay hộ ông Lý Văn P không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì về việc cho hộ ông T mượn đất như nguyên đơn trình bày. Gia đình ông T sử dụng diện tích đất này truyền đời từ trước đến nay gồm nhà cửa, cây cối và ngõ đi cũ và mới, không hiểu vì lý do gì năm 2013 hộ ông Lý Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi gia đình ông T đang canh tác và có ngõ đi trên đất, từ trước đến nay gia đình ông Lý Văn P không sử dụng đất, không có tài sản trên đất, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nguồn gốc đất của gia đình ông Lý Văn P. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đất thuộc sở hữu hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ.

Đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn P (nay là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P).

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông S1; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ông Vi Văn T không phải thanh toán tiền với diện tích đất thuộc thửa 254, các nội dung khác đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự, kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N và người đại diện theo ủy quyền là ông Lý Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Vi Văn T phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 193,7m² đất thuộc một phần thửa đất 293 (Đo thực tế là 194,8m²) và 28,8m² thuộc một phần thửa 254 tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L; yêu cầu hộ ông T tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất để trả lại đất cho gia đình ông Lý Văn P quản lý, sử dụng; giao số tiền 20.212.000 đồng Nhà nước đền bù khi thu hồi diện tích 97,6m² đất thuộc thửa số 293 để thực hiện dự án Đường đến trung tâm các xã X1 - A1, huyện L1 và xã Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh L cho gia đình ông được quản lý, sử dụng, sở hữu.

Ngày 07/7/2021, ông Vi Văn T nộp đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết công nhận gia đình ông được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ của UBND huyện L1, tỉnh L cấp đứng tên ông Lý Văn P; được quyền sở hữu các công trình nhà xây dựng, cây trồng trên đất tranh chấp và được hưởng toàn bộ số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi làm đường giao thông nên Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vi Văn T là ông S1 kháng cáo trong hạn luật định và phù hợp với nội dung ủy quyền tại Giấy ủy quyền ngày 06/10/2021 nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần thứ 2, bị đơn ông Vi Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Ông S1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn T, bà Lường Thị T1, anh Vi Văn Q có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận việc gia đình nên không thể tham gia phiên tòa được và ông đang có khiếu nại đối với UBND huyện L1 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 293 cho hộ ông Lý Văn P chưa được giải quyết. Qua xác minh, ông S1 cho biết bận đi làm nên không tham gia phiên tòa được. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày lý do ông Lý Văn K không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 vì đại diện theo ủy quyền của ông là ông S1 đã có đơn xin hoãn phiên tòa. Việc vắng mặt bị đơn ông Vi Văn T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông S1 vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa không vì lý do bất khả kháng nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phải tố của bị đơn là có căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Lý Văn P và hộ ông Vi Văn T (tức C3) là khoảng 319m². Qua kiểm tra đo đạc theo mảnh trích đo Địa chính số 17-2018 của xã Đ, diện tích đất tranh chấp là 331,2m², thửa đất nằm dọc theo đường tỉnh lộ 248 (237) gồm một phần các thửa đất số 273, thửa đất số 254 và thửa số 293, tờ bản đồ số 88 tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L.

Trên phần diện tích đang tranh chấp tại thời điểm kiểm tra thấy có một số cây trên đất là 03 cây vải thiều, 02 khóm chè, 01 cây bưởi, 01 cây bồ quân, 02 gốc cây bạch đàn (cây bạch đàn đã chặt còn gốc). Gia đình ông Vi Văn T cho biết các cây trên đất là do gia đình ông Vi Văn T trồng. Gia đình ông Lý Văn K và Lý Thường P3 cho biết là các cây có trên đất là cây chè, cây bưởi, cây vải thiều do gia đình ông Vi Văn T trồng còn lại là cây tự mọc.

Gia đình ông Vi Văn T đã xây dựng 01 ngôi nhà có diện tích 68,89m² có các cạnh chiều rộng theo đường tỉnh lộ 248 (237) là 8,3m, chiều dài cũng 8,3m. Trong đó 29,05m² là diện tích xây trên phần diện tích đang tranh chấp có các cạnh chiều rộng là 3,5m, chiều dài là 8,3m. Ngoài ra, trên phần diện tích đất tranh chấp thể hiện gia đình ông Vi Văn T đã mở hai lối đi ra đường Tỉnh lộ 248 (237). Diện tích từ hàng cây tre theo mảnh trích đo là 229,8m² không tranh chấp thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 88. Một phần diện tích đã bị san ủi để thi công làm đường tỉnh lộ 248 (237).

Diện tích đất tranh chấp đã bị thu hồi là 97,6m² và theo Thông báo số 394/TB-TTPTQĐ ngày 14/9/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L1 thì bồi thường về đất là 4.099.200 đồng (*Bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng*), hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tạo việc làm là 12.297.600 đồng (*Mười hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*), Bồi thường hỗ trợ cây cối, hoa màu là 3.752.200 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn hai trăm đồng*). Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ tại thửa đất đang tranh chấp là 20.149.000 đồng (*Hai mươi triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) cả hai gia đình ông Lý Văn K, ông Lý Thường P3 và ông Vi Văn T chưa được nhận tiền đền bù về đất và cây do tranh chấp.

[5] Quá trình Tòa án giải quyết sơ thẩm, ngày 27/01/2021, đại diện những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Lý Văn K xin rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 53,9m² thuộc thửa 273 nằm trong diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vi Văn T nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Diện tích đất tranh chấp còn lại gồm 193,7m² đất thuộc một phần thửa đất 293 và 28,8m² đất thuộc một phần thửa 254 tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L.

[6] Nguyên đơn ông Lý Văn P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày nguồn gốc đất tranh chấp do ông Lý Văn P khai phá. Do gia đình ông Vi Văn T không có đất canh tác nên gia đình ông Lý

Văn P cho gia đình ông Vi Văn T mượn để canh tác nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc cho ông T mượn đất. Nội dung này cũng mâu thuẫn với Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của ông Lý Văn P và xác nhận của UBND xã Đ có nội dung nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Lý Văn P để lại, thời hạn sử dụng đất 50 năm.

Bị đơn là ông Vi Văn T khẳng định diện tích đất này là của ông cha để lại và sử dụng truyền đời từ trước đến nay. Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 11/11/2019 của UBND xã Đ và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lý Văn P và gia đình ông Lý Thường P3 thừa nhận các cây có trên đất là cây chè, cây bưởi, cây vải thiều do gia đình ông Vi Văn T trồng còn lại là cây tự mọc. Các người con của nguyên đơn ông Lý Văn P là bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N cũng thừa nhận các cây vải trên đất tranh chấp là của ông Vi Văn T8 (anh trai bị đơn T) trồng, nay ông Tại đã chết).

Những người làm chứng phía nguyên đơn khai đất là của nguyên đơn ông Lý Văn P khai phá rồi cho gia đình ông Vi Văn T mượn để canh tác. Những người làm chứng phía bị đơn ông Vi Văn T khai họ nhìn thấy ông Vi Văn T canh tác và trồng cây trên đất từ trước đến nay.

[7] Như vậy, tuy lời khai của những người làm chứng mâu thuẫn với nhau nhưng đều thể hiện từ trước đến nay gia đình ông Vi Văn T trực tiếp sử dụng đất. Nội dung này phù hợp với lời khai của các hộ dân có đất liền kề diện tích đất tranh chấp là bà Hoàng Thị B4, bà Vũ Thị C4 đều khẳng định nguồn gốc 193,7m² đất thuộc một phần thửa đất 293 là đất vườn của ông cha để lại cho vợ chồng cụ Vi Văn S3, Lý Thị V (ông, bà của ông Vi Văn T), cây cối trên đất là của gia đình ông Vi Văn T trồng và sử dụng đất liên tục, ông Lý Văn K4 từ trước năm 1986 đến nay để làm các ngõ đi, xây dựng công trình, nhà cửa và canh tác trên đất.

[8] Tại Sổ địa chính và danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo Quyết định số 288/QĐ-UB ngày 22/4/2002 của xã Đ, huyện L1, tỉnh L thể hiện gia đình ông Lý Văn P đăng ký kê khai lần đầu diện tích 195m² đất thuộc thửa 254 (*Sổ đăng ký thể hiện thửa 384*), tờ bản đồ số 88, Bản đồ địa chính xã Đ và được UBND huyện L1, tỉnh L cấp GCNQSDĐ ngày 22/4/2002. Cùng ngày, gia đình ông Vi Văn T đăng ký kê khai quyền sử dụng lần đầu đối với diện tích 143m² thuộc thửa 273 (*Sổ đăng ký thể hiện thửa 373*), tờ bản đồ số 88, Bản đồ địa chính xã Đ và được UBND huyện L1, tỉnh L cấp GCNQSDĐ ngày 22/4/2002 đối với diện tích 143m² đất, thời hạn sử dụng lâu dài.

[9] Năm 2010, hộ ông T đã đăng ký kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn thửa 273 diện tích là 431,3m², gồm 143m² đất đã được cấp GCNQSDĐ năm 2002 và 288,3m² đất có một phần nhà ở, ngõ đi và cây cối hoa màu của hộ ông T; Hộ ông Lý Văn P kê khai, đăng ký thửa đất số 293 với diện tích 561m² là chồng lẫn lên 288,3m² đất gia đình ông T đang quản

lý, sử dụng. Tòa án sơ thẩm nhận định chưa có hộ gia đình, cá nhân nào thực hiện đăng ký và kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 288,3m² đất còn lại của thửa 273 (Công Văn của UBND huyện L1) là không chính xác.

[10] Khi có chủ trương đo đạc bản đồ địa chính và cấp đất đại trà năm 2012, gia đình ông Vi Văn T đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với 5 thửa đất có tổng diện tích 5.008,3m², trong đó có thửa 273, diện tích 431,3m²; gia đình ông Lý Văn P đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với 9 thửa đất có tổng diện tích 4.597,3m², trong đó có thửa số 293, tờ bản đồ số 88, có diện tích 561m² đất. Tại Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/2012 cũng thể hiện ông Vi Văn T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 273, diện tích 431,3m²; gia đình ông Lý Văn P đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 293, tờ bản đồ số 88, có diện tích 561m² đất. Tuy nhiên, ngày 11/12/2013, UBND huyện L1 đã cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR953295 cho hộ ông Vi Văn C3 (tức T) thể hiện thửa đất 273, diện tích 143m²; GCNQSDĐ số BR953304 cấp mới cho hộ ông Lý Văn P đối với thửa số 293, diện tích 561m² đất.

Như vậy, việc cấp đổi lại GCNQSDĐ, diện tích thửa đất 273 của hộ ông T không thay đổi trong khi ông T đã đăng ký biến động tăng thêm 288,3m² của thửa 273, còn hộ ông Lý Văn P phát sinh thêm thửa số 293, diện tích 561m² đất bao gồm cả phần đất có ngõ đi và cây cối, hoa màu của hộ ông T mà không được UBND huyện L1, tỉnh L điều tra xác minh về nguồn gốc đất.

[11] Qua đo đạc thực tế cho thấy diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 293 là 291,3m² (gồm 193,7m² đang tranh chấp + 97,6m² đất đã bị thu hồi) liền thửa số 273 của ông Vi Văn T, tương đương với diện tích ông T kê khai biến động tăng thêm năm 2010 là 288,3m² đã được UBND huyện L1 xét duyệt đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trên đất vẫn tồn tại tài sản, hoa màu của hộ ông T đã có từ trước đến nay. Mặt khác, tại sơ đồ thửa đất số 273 cấp GCNQSDĐ của ông Vi Văn T (C3) năm 2002 thể hiện tứ cận không có mặt nào tiếp giáp với đất của hộ ông Lý Văn P, diện tích đất hiện nay tranh chấp trước đây thể hiện là đất đồi. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T khẳng định ông Lý Văn K không biết hộ ông Lý Văn P được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 293 khi nào và ông chưa từng ký Biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất 293 để ông Lý Văn P được cấp GCNQSDĐ năm 2013 đối với diện tích 193m² thuộc một phần thửa 293 và 28,8m² thuộc một phần thửa 254 hiện nay tranh chấp. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 2013 đối với thửa 293 cho hộ ông Lý Văn P không có Biên bản ghi ý kiến của khu dân cư, không có biên bản xác định ranh giới mốc thửa có xác nhận của các hộ có đất liền kề theo quy định của pháp luật. Do đó, trình bày của bị đơn về việc không biết ông Lý Văn P được cấp GCNQSDĐ năm 2013 đối với diện tích đất tranh chấp là có cơ sở.

[12] Tại Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của ông Lý Văn P và xác nhận của UBND xã Đ có nội dung nguồn gốc thửa số 254 là của bố mẹ ông Lý Văn P để lại nhưng thời hạn đề nghị sử dụng đất là 50 năm là không hợp lý. Hơn nữa, gia đình ông T đã và đang trực tiếp sử dụng diện tích đất này liên tục, ổn định từ đời ông, cha truyền lại, ông T có một phần kết cấu nhà ở, công Tnh xây dựng, ngô đi, cây cối, hoa màu trên đất. Do đó, UBND huyện L1 công nhận diện tích đất hộ ông T đang sử dụng ổn định cho hộ ông Lý Văn P là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông T.

[13] Mặc dù Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị hủy một phần GCNQSDĐ năm 2013 cho hộ ông Lý Văn P nhưng việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần thiết phải xem xét đánh giá tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất tranh chấp. Xét thấy việc cấp GCNQSDĐ năm 2013 đối với diện tích 193,7m² thuộc một phần thửa 293 cho hộ ông Lý Văn P là không đúng đối tượng đang sử dụng đất, không đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị UBND huyện L1, tỉnh L thu hồi GCNQSDĐ cấp năm 2013 đối với thửa 293 để cấp đổi lại theo quy định của pháp luật.

[14] Thời điểm Nhà nước thu hồi 97,6m² đất thuộc thửa 293 nằm trong GCNQSDĐ cấp năm 2013 cho hộ ông Lý Văn P để làm đường Tỉnh lộ 248 (237) thì gia đình ông Vi Văn T đã sử dụng đất ổn định từ trước đến khi bị thu hồi, tài sản trên diện tích đất thu hồi là của gia đình ông T nên đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Như đã phân tích, GCNQSDĐ cấp năm 2013 đối với thửa 293 cho hộ ông Lý Văn P không đảm bảo quy định của pháp luật và thực tế hộ ông Lý Văn P cũng không sử dụng đất, không có tài sản trên đất nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; giao số tiền bồi thường hỗ trợ đối với 97,6m² đất bị thu hồi là 20.149.000 đồng (*Hai mươi triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) gồm bồi thường về đất là 4.099.200 đồng (*Bốn triệu không trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng*), hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tạo việc làm là 12.297.600 đồng (*Mười hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*), bồi thường hỗ trợ cây cối, hoa màu là 3.752.200 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn hai trăm đồng*) cho hộ ông Vi Văn T được nhận.

[15] Từ những phân tích trên cho thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Vi Văn T phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 193,7m² đất thuộc một phần thửa đất 293 (Đo thực tế là 194,8m²) tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L; yêu cầu hộ ông T tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất để trả lại đất cho gia đình ông Lý Văn P quản lý, sử dụng; giao số tiền 20.212.000 đồng Nhà nước đền bù khi

thu hồi diện tích 97,6m² đất để làm đường Tỉnh lộ 248 (237) là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên ông Lý Văn P được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 120,3m² đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 293 cùng tài sản trên đất và có nghĩa vụ phải trả cho ông Vi Văn T số tiền 3.411.000 đồng (Ba triệu bốn trăm mười một nghìn đồng) là giá trị cây trồng trên đất; đồng thời tuyên giao nguyên đơn ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N được quyền sở hữu 10.106.000 đồng trong số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất 20.212.000 đồng là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[16] Đối với 28,8m² đất thuộc thửa 254 đã được công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Văn P nhưng ông T đã xây dựng công trình trên đất nên giao cho ông Vi Văn T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng; buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán giá trị 28,8m² đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá ngày 07/01/2021 là 1.000.000 đồng/m² cho nguyên đơn. Cụ thể: 28,8m² đất x 1.000.000 đồng/m² = 28.800.000 đồng.

[17] Về chi phí tố tụng:

Ông Lý Văn P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N khởi kiện tranh chấp 193,7m² thuộc thửa 293 và 28,8m², thuộc thửa 254 có tổng giá trị 222.500.000 đồng và yêu cầu được nhận số tiền đền bù 20.212.000 đồng. Tổng giá trị tranh chấp là 242.712.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí cho hoạt động xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (ngày 04/12/2020 do anh K nộp thay) số tiền 24.000.000 đồng tiền chi phí cho hoạt động xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (ngày 04/12/2020 do anh K nộp thay).

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho ông Lý Văn P trị giá 28,8m² đất nên sửa phần chi phí tố tụng của bản án sơ thẩm. Theo đó, ông T phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá của phần tài sản ông Lý Văn P phải thi hành tương ứng 8,4% đối với số tiền trên là 2.016.000 đồng.

Phần còn lại 21.984.000 đồng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, xác nhận nguyên đơn đã nộp 21.984.000 đồng và Tòa án sơ thẩm đã chi.

[18] Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần; Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần nội dung của Bản án sơ thẩm theo hướng như đã phân tích nêu trên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[19] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên ông Vi Văn T không Lý Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vi Văn T là ông S1; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L như sau:

Áp dụng Điều 5; 34, 38, 48; 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227, Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 165, 166, 208, 212, 213, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 167, 168, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn P; giao cho ông Vi Văn T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 28,8m² đất thuộc một phần thửa 293 tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L, được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính là thửa tạm 254.1 vị trí đỉnh thửa A7, A8, A9, A10, A11, A7.

Ông Vi Văn T có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị diện tích đất nêu trên cho ông Lý Văn P (nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do anh K đại diện) số tiền 28.800.000 đồng (Hai tám triệu tám trăm ngàn đồng).

1.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn P về việc: Buộc gia đình ông Vi Văn T phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 193,7m² đất thuộc một phần thửa 293 tại thôn H, xã Đ, huyện L1, tỉnh L được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính là thửa tạm 293.1 vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A12, A13, A11, A10, A1 và yêu cầu hộ ông T tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất để trả lại đất cho gia đình ông Lý Văn P quản lý, sử dụng;

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

1.3. Hộ ông Vi Văn T được nhận số tiền 20.212.000 đồng Nhà nước đền bù khi thu hồi diện tích 97,6m² đất trồng cây lâu năm (CLN) mảnh trích đo địa chính số 17-2018 được trích đo từ thửa đất số 293, tờ bản đồ số 88, Bản đồ địa

chính xã Đ tại Quyết định thu hồi đất số 5803/QQĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND huyện L1 tỉnh L.

1.4. Kiến nghị UBND huyện L1, tỉnh L thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2013 đối với thửa đất 293 cho hộ ông Lý Văn P và thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N phải chịu số tiền 21.984.000 đồng (*Hai một triệu chín trăm tám tư nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Xác nhận nguyên đơn do anh K đại diện đã nộp 21.984.000 đồng và Tòa án sơ thẩm đã chi.

2.2. Bị đơn ông Vi Văn T phải chịu số tiền 2.016.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười sáu ngàn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Số tiền này nguyên đơn đã tạm ứng nên ông Vi Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Lý Văn P là Bà Lộc Thị S, bà Lý Thị B, bà Lý Thị B1, bà Lý Thị N số tiền 2.016.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười sáu ngàn đồng*).

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm thi hành án, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Ông Vi Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Mai